BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3417/QĐ-BNN-TT	

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án phát triển Ngành cà phê bền vững đến năm 2020

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án "Phát triển Ngành cà phê bền vững đến năm 2020" (sau đây gọi tắt là Đề án) với các nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu chung

Xây dựng ngành cà phê Việt Nam phát triển theo hướng hiện đại, đồng bộ, bền vững, có tính cạnh tranh cao với các sản phẩm đa dạng, có chất lượng, mang lại giá trị gia tăng cao, nâng cao thu nhập cho nông dân và doanh nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

- Ổn định diện tích trồng cà phê khoảng 600 nghìn ha, trong đó có 80 % diện tích áp dụng quy trình sản xuất cà phê bền vững; năng suất: 2,7 tấn/ha, tổng sản lượng khoảng 1,6 triệu tấn/năm; giá trị sản lượng trên 1 ha cà phê bình quân đạt 120 triệu đồng.

- Nâng tỷ lệ cà phê chế biến ướt từ 10 % hiện nay lên 30 %; tỷ lệ cà phê hoà tan, cà phê rang xay đạt 25 % sản lượng.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu trên năm đạt từ 3,8 - 4,2 tỷ USD.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Sản xuất cà phê

1.1. Rà soát quy hoạch phát triển cà phê

Rà soát quy hoạch sản xuất cà phê theo hướng thích hợp với điều kiện tự nhiên, nhất là nguồn nước tưới, nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng

nhu cầu thị trường, đảm bảo hiệu quả và phát triển bền vững. Đến năm 2020, tổng diện tích trồng cà phê cả nước ổn định khoảng 600 nghìn ha, trong đó :

- Vùng trọng điểm phát triển cà phê gồm 04 tỉnh ở Tây Nguyên khoảng 530 nghìn ha: Đắk Lắk 190 nghìn ha, Lâm Đồng 150 nghìn ha, Gia Lai 75 nghìn ha, Đắk Nông 115 nghìn ha.

- Các vùng cà phê khác gồm 07 tỉnh, khoảng 70 nghìn ha: Đồng Nai 20 nghìn ha, Bình Phước 15 nghìn ha, Bà Rịa - Vũng Tàu 6 nghìn ha, Kon Tum 12,5 nghìn ha, Quảng Trị 5 nghìn ha, Sơn La: 7 nghìn ha, Điện Biên: 4,5 nghìn ha.

Quy hoạch một số vùng cà phê chè chất lượng cao (gồm cà phê nuôi chồn và cà phê hữu cơ) khoảng 25 % diện tích cà phê chè tại Lâm Đồng, Kon Tum, Sơn La, Điện Biên.

1.2. Diện tích cà phê tái canh

Diện tích cà phê cần tái canh trong vùng quy hoạch trồng cà phê, tùy điều kiện cụ thể áp dụng biện pháp trồng tái canh hoặc ghép cải tạo:

- Trồng tái canh: Đến năm 2020, diện tích trồng tái canh cà phê khoảng 90 nghìn ha, thực hiện trồng tái canh mỗi năm từ 15 - 20 % diện tích trên.

- Ghép cải tạo: Khoảng 30 nghìn ha, chủ yếu tập trung tại tỉnh Lâm Đồng, Gia Lai và một số vùng có điều kiện tương tự.

1.3. Chuyển đổi cơ cấu giống

- Sử dụng 100 % giống cà phê mới (có năng suất, chất lượng cao, chín đều) trong tái canh, ghép cải tạo và trồng mới; đưa tỷ lệ diện tích cà phê giống mới lên 40 % diện tích cà phê cả nước.

- Tăng diện tích cà phê chè khoảng 7 nghìn ha so năm 2013, tập trung ở Lâm Đồng, Kon Tum, Sơn La, Điện Biên và một số vùng có điều kiện tương tự; sử dụng 100 % giống cà phê chè mới.

1.4. Áp dụng quy trình kỹ thuật sản xuất cà phê bền vững

- Phổ biến quy trình thực hành sản xuất cà phê bền vững cho người sản xuất, đến năm 2020 khoảng 80 % diện tích cà phê được áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (có chứng nhận như UTZ Certify, 4C, Rainforest Alian và VietGAP...) và 80 % sản lượng cà phê quả tươi đạt tiêu chuẩn TCVN 9728 - 2012.

- Nâng diện tích cà phê có tưới lên 95 % ở Tây Nguyên và Đông Nam bộ, trong đó, diện tích cà phê áp dụng phương pháp tưới tiết kiệm đạt khoảng 180 nghìn ha.

- Đầu tư xây dựng chỉ dẫn địa lý (GI) cho các vùng sản xuất cà phê chất lượng cao.

2. Thu mua, chế biến cà phê

2.1. Quản lý hệ thống thu mua

- Ban hành hợp đồng mẫu và quy chế ký gửi cà phê để đưa hệ thống đại lý thu mua - ký gửi cà phê vào hoạt động có sự kiểm soát; Hỗ trợ thành lập

các hợp tác xã, tổ hợp tác cà phê làm dịch vụ đầu vào, đầu ra cho nông dân; Hình thành chuỗi liên kết trong ngành hàng cà phê.

- Tạo điều kiện cho nông dân, doanh nghiệp chủ động tạm trữ cà phê, tham gia điều tiết cung cầu trên thị trường, đảm bảo lợi ích của người sản xuất và kinh doanh cà phê.

2.2. Giảm tổn thất khâu phơi, sấy cà phê

- Đảm bảo 100 % sản lượng cà phê được phơi, sấy đạt tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Nâng tỷ lệ cà phê chế biến ướt lên 30 % vào năm 2020, riêng cà phê chè chế biến ướt đạt 100 % sản lượng.

- Sử dụng phụ phẩm chế biến cà phê để sản xuất phân compost phục vụ sản xuất cà phê tại nông hộ.

2.3. Phát triển công nghiệp chế biến

- Chế biến cà phê nhân:

+ Từng bước thay thế dây chuyền thiết bị công nghệ chế biến cà phê nhân xuất khẩu lạc hậu bằng các dây chuyền công nghệ tiên tiến.

+ Đầu tư đồng bộ cơ sở chế biến, phân loại cà phê nhân xuất khẩu bằng hệ thống dây chuyền thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến; Áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO: 9000, ISO:14000, HACCP…

+ Đến năm 2020, có 100 % cơ sở chế biến cà phê nhân xuất khẩu tuân thủ đúng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: cơ sở chế biến cà phê - điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Chế biến cà phê bột:

Đầu tư hệ thống thiết bị hiện đại, xây dựng thương hiệu, liên kết phát triển vùng nguyên liệu để nâng cao giá trị sản phẩm.

- Chế biến cà phê hòa tan, cà phê 3 trong 1 và cà phê lon:

Hợp tác liên kết đầu tư phát triển vùng cà phê nguyên liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển thị trường trong và ngoài nước để nâng cao hiệu quả sản xuất.

3. Thương mại cà phê

3.1. Xúc tiến thương mại và xuất khẩu

- Đề xuất Chính phủ ban hành điều kiện đối với doanh nghiệp chế biến xuất khẩu cà phê nhằm kiểm soát các đầu mối xuất khẩu cà phê.

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ, hội thảo quốc tế về cà phê, xây dựng website của doanh nghiệp để tham gia bán hàng trực tiếp với các nhà rang xay, các nhà tiêu thụ cà phê hàng đầu thế giới cho các doanh nghiệp đủ điều kiện chế biến xuất khẩu cà phê.

- Đến năm 2020, có 80 % sản lượng xuất khẩu trực tiếp cho các nhà tiêu thụ, các nhà rang xay quốc tế, không qua khâu trung gian.

3.2. Xây dựng hệ thống tiêu thụ cà phê hiện đại

- Phát triển thị trường tiêu thụ các sản phẩm trong nước khoảng 1 5 % sản lượng cà phê hàng năm.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin về môi trường kinh do anh, phân phối, giá cả các mặt hàng cà phê, chủ động áp dụng thương mại điện tử trong giao dịch mua, bán, ký gửi cà phê trong nước và quốc tế.

- Xây dựng Đề án phát triển hệ thống thương mại cà phê thích ứng với mua, bán, ký gửi cà phê ở từng vùng trong nước và quốc tế.

- Đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động 02 sàn giao dịch cà phê tại Tây Nguyên và TP. Hồ Chí Minh.

4. Một số dự án, đề án ưu tiên

Một số dự án và đề án trọng điểm trong Đề án phát triển cà phê bền vững:

- Dự án phát triển giống cà phê giai đoạn 2016 - 2020;

- Đề án tái canh cà phê vối trong vùng quy hoạch;

- Đề án thâm canh cà phê bền vững;

- Đề án nâng cao năng lực sơ chế, bảo quản sản phẩm cà phê nông hộ;

- Đề án xây dựng và phát triển thương hiệu cho các doanh nghiệp đầu tư chế biến sâu trong nước;

- Đề án "Thành lập Quỹ phát triển ngành cà phê Việt Nam".

III. GIẢI PHÁP CHÍNH

1. Về công tác quy hoạch

Trên cơ sở định hướng quy hoạch cà phê cả nước, các địa phương lập quy hoạch chi tiết các vùng trồng cà phê trên địa bàn, chỉ đạo thực hiện và quản lý quy hoạch theo quy định hiện hành. Rà soát, phân loại, xác định diện tích cà phê tái canh, xây dựng kế hoạch, lộ trình, giải pháp huy động nguồn lực thực hiện phương án tái canh.

2. Về khoa học công nghệ

- Tiếp tục đầu tư nghiên cứu chọn tạo giống cà phê năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh hại, thích ứng điều kiện biến đổi khí hậu. Chuẩn bị tốt nguồn giống cà phê đảm bảo chất lượng cho tái canh cà phê.

- Tiếp tục hoàn thiện quy trình thâm canh, tái canh cà phê phù hợp với từng điều kiện cụ thể, xây dựng mô hình và tập huấn chuyển giao cho người sản xuất.

- Nghiên cứu các giải pháp đẩy mạnh cơ giới hóa các khâu chăm sóc và thu hái cà phê; nghiên cứu công nghệ và thiết kế, chế tạo các dây chuyền thiết bị chế biến cà phê nhân phục vụ xuất khẩu.

- Nghiên cứu phát triển thị trường tiêu thụ cà phê trong nước, dự báo thị trường ngoài nước để định hướng cho người sản xuất và doanh nghiệp chế biến.

- Ban hành hệ thống các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cà phê phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế.

- Đẩy mạnh công tác khuyến nông và khuyến công đối với lĩnh vực trồng tái canh, tưới nước tiết kiệm, cơ giới hóa một số khâu chăm sóc, thu hái và chế biến cà phê; nhất là khâu sơ chế, bảo quản cà phê ở nông hộ.

3. Về cơ chế chính sách

- Tiếp tục triển khai một số chính sách đã ban hành: Đề án phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản đến năm 2020 (Quyết định số 2194/QĐ-TTg ngày 25/12/2009); chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp (Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013); chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng mẫu lớn (Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013); Chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012); chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013); chính sách tín dụng phục vụ xuất khẩu...

- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách mới: hỗ trợ kinh phí mua giống cây cà phê tái canh hoặc chồi ghép cải tạo; xây dựng quy hoạch, kế hoạch tái canh cà phê; đo đạc, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân tham gia trồng tái canh theo quy định; chính sách tín dụng cho trồng tái canh cà phê...

4. Về tổ chức sản xuất

- Khuyến khích thành lập Chi hội người trồng cà phê ở 60 % các địa phương trồng cà phê trong cả nước, tiến tới thành lập Hội người trồng cà phê Việt Nam.

- Tạo điều kiện hình thành hệ thống giao dịch, ký gửi cà phê đảm bảo đầy đủ tính pháp lý, công khai, minh bạch, tạo điều kiện mang lại nhiều giá trị hơn cho người trồng cà phê.

- Khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh cà phê thành lập Quỹ xúc tiến thương mại, Quỹ bảo hiểm ngành hàng để thực hiện các chương trình quảng cáo kích cầu cà phê trong nước và khắc phục rủi ro trong sản xuất kinh doanh, đặc biệt trước những biến động tiêu cực của thị trường cà phê thế giới.

5. Về đào tạo nguồn nhân lực

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao về công nghệ sinh học chọn tạo giống, công nghệ chế biến cà phê, nâng cao năng lực cán bộ quản lý để đáp ứng tốt nhu cầu phát triển bền vững ngành hàng cà phê.

- Tăng cường đào tạo nghề cho nông dân sản xuất cà phê, nhất là kỹ thuật tái canh cà phê, sơ chế bảo quản cà phê quả khô, cà phê thóc. Đào tạo công nhân kỹ thuật trực tiếp vận hành dây chuyền thiết bị chế biến và kho bảo quản cà phê.

6. Về hợp tác quốc tế

- Tăng cường hợp tác với các nước và các tổ chức quốc tế về khoa học công nghệ cho ngành cà phê: Chọn tạo giống, phòng trừ sâu bệnh, sử dụng nước tiết kiệm, thu hoạch, bảo quản, chế biến cà phê…

- Thúc đẩy hợp tác với các nước tổ chức các hội chợ, các sự kiện nhằm giới thiệu sản phẩm cà phê Việt Nam tới bạn bè quốc tế.

7. Đổi mới công tác quản lý

- Nâng cao năng lực hoạt động của Ban điều phối Ngành hàng cà phê Việt Nam.

- Cơ cấu lại các doanh nghiệp nhà nước, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nhiệp cà phê trong nước.

- Thí điểm mô hình hợp tác công tư trong ngành cà phê như: sản xuất giống cà phê, đầu tư thuỷ lợi và chế biến cà phê.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Điều phối Ngành hàng cà phê có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án phát triển bền vững ngành hàng cà phê đến năm 2020;

2. Ban chỉ đạo tái canh cà phê có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến tái canh cà phê được nêu trong Đề án.

3. Cục Trồng trọt:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn các địa phương thực hiện Đề án phát triển cà phê bền vững.

- Chủ trì đề xuất các chính sách thực hiện Đề án, trình Bộ trưởng Đề án tái canh cà phê 2014 - 2020.

- Đề xuất các đề tài nghiên cứu, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, dự án thuộc lĩnh vực trồng trọt để thực hiện Đề án.

4. Cục Chế biến Nông lâm thủy sản và Nghề muối:

- Chủ trì đề xuất chính sách hỗ trợ chế biến, tạm trữ, xuất khẩu cà phê.

- Đề xuất các đề tài nghiên cứu, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, dự án thuộc lĩnh vực bảo quản, chế biến, thương mại để thực hiện Đề án.

5. Các đơn vị khác thuộc Bộ: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp vơi Cục Trồng trọt, Cục Chế biến Nông lâm thủy sản và Nghề muối thực hiện các nội dung có liên quan trong Đề án.

6. Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh:

- Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện các nội dung của Đề án.

- Đề xuất cơ chế, chính sách thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Hàng năm báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án về Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Trồng trọt, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :
- Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải (để b/cáo);
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ NN&PTNT;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND các tỉnh: Đắk Lắk, Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Nông, Kon Tum, Đồng Nai, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, Quảng Trị, Sơn La, Điện Biên;
- Các Tổng cục, Cục, Vụ trực thuộc Bộ;
- Tổng Công ty Cà phê Việt Nam;
- Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam;
- Website Bộ NN & PTNT;
- Lưu: VT, TT.

BỘ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Cao Đức phát